

TOÁN 1 - PHIẾU BÀI TẬP HÈ (1)

Họ và tên học sinh:

Lớp:

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (10 CÂU)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Kết quả của phép tính $32 + 5$ là:

A. 37

B. 35

C. 82

D. 38

Câu 2: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $47 - 4 = \dots$ là:

A. 41

B. 42

C. 43

D. 44

Câu 3: Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng 65?

A. $60 + 3$

B. $62 + 3$

C. $61 + 5$

D. $69 - 4$

Câu 4: Trong các phép tính sau, phép tính nào có kết quả nhỏ nhất?

A. $45 - 2$

B. $50 + 4$

C. $35 + 10$

D. $28 - 6$

Câu 5: Số gồm 5 chục và 4 đơn vị trừ đi 3 đơn vị được kết quả là:

A. 51

B. 57

C. 24

D. 50

Câu 6: Kết quả của phép tính liên tiếp $20 + 30 - 10$ là:

A. 50

B. 40

C. 60

D. 30

Câu 7: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $54 + 3 \dots 58 - 2$

A. $>$

B. $<$

C. $=$

Câu 8: Mẹ mua 25 quả trứng, mẹ dùng hết 4 quả trứng để làm bánh. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả trứng?

A. 21 quả

B. 29 quả

C. 20 quả

D. 22 quả

Câu 9: Tìm một số, biết số đó trừ đi 20 thì được 45. Số đó là:

A. 25

B. 65

C. 55

D. 47

Câu 10: Bạn An có 12 viên bi, bạn Bình có 15 viên bi. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu viên bi?

A. 26 viên bi

B. 25 viên bi

C. 27 viên bi

D. 28 viên bi

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính (Viết thẳng hàng chục và hàng đơn vị):

a) $42 + 6$

b) $78 - 5$

c) $35 + 23$

d) $89 - 44$

Câu 2: Tính nhẩm:

$50 + 20 = \dots\dots\dots$

$90 - 40 = \dots\dots\dots$

$67 - 7 = \dots\dots\dots$

$3 + 82 = \dots\dots\dots$

Câu 3: Điền số thích hợp vào ô trống:

$45 + [\quad] = 49$

$[\quad] - 5 = 62$

$76 - [\quad] = 70$

$[\quad] + 30 = 80$

Câu 4: Tính kết quả của dãy tính:

a) $34 + 2 + 3 = \dots\dots\dots$

b) $87 - 5 - 2 = \dots\dots\dots$

c) $50 + 20 - 40 = \dots\dots\dots$

Câu 5: Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ trống:

a) $32 + 5 \dots\dots\dots 38$

b) $69 - 4 \dots\dots\dots 61 + 3$

c) $40 + 50 \dots\dots\dots 95 - 5$

Câu 6: Dùng thước kẻ nối phép tính với kết quả đúng:

$21 + 7 \bullet$ $\bullet 52$

$55 - 3 \bullet$ $\bullet 70$

$40 + 30 \bullet$ $\bullet 28$

$98 - 8 \bullet$ $\bullet 90$



Câu 7: Giải toán có lời văn:

Lớp 1A có 22 bạn nam và 15 bạn nữ. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu bạn học sinh?

Bài giải:

.....
.....
.....
.....

Câu 8: Giải toán có lời văn:

Một sợi dây dài 85 cm, chị cắt đi 5 cm. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải:

.....
.....
.....
.....

Câu 9: Quan sát hình vẽ dưới đây và điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Hình trên có tất cả hình tam giác.

--- Chúc các em học sinh làm bài thật tốt! ---